

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 52/2019/HSST
Ngày: 01/3/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Cát Tường ;
2. Bà Nguyễn Thị Loan ;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà N2 Thị Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Trọng Đ**, sinh năm 1994, tại Thanh Hóa, Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã T, Huyện H, tỉnh Thanh Hóa, ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Q và bà Phạm Thị T; có Vợ : Phạm Thị N và có 01 con sinh năm 2018. tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/9/2018, tạm giam 23/9/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn H**, sinh 1988 tại Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã T, Huyện H, tỉnh Thanh Hóa ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Trịnh Thị C; Vợ Bùi Thị D có 02 con ; lớn sinh năm

2010, nhỏ sinh năm 2012. tiền án: không; tiền sự: không. Bắt tạm giam ngày 22/10/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: 1. Anh Lê Văn T2 - sinh 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã T, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trịnh Đình M- sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, Huyện Y, tỉnh Thanh Hóa

3. Anh Lê Trọng N2 - Sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã Đ, Huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 7/2018 đến tháng 9/2018, Nguyễn Trọng Đ cùng với Nguyễn Văn H thực hiện các vụ trộm cắp và tiêu thụ tài sản tại Bệnh viện N như sau ;

Vụ thứ nhất: Khoảng 8h ngày 05/7/2018 Nguyễn Trọng Đ đi xuống khu vực trước dãy nhà cấp 4 gần cổng phụ Bệnh viện N phát hiện thấy 01 chiếc xe máy Airblade màu đen ghi- đồng BKS 36B2- 829 88 của anh Lê Văn T2 SN 1978, ở thôn V, xã T, Huyện T, tỉnh Thanh Hóa phát hiện thấy không có người trông coi, Đ đi lại dùng vạm phá khóa mang theo tra vào mở khóa rồi nổ máy đi về H, trên đường đi Đ gọi điện cho Nguyễn Văn H nói “Em có chiếc xe Airblade không giấy tờ, anh có mua không”, H nói “ mang về quán cà phê P ở thị trấn H” khi đến điểm hẹn, Đ nói với H “xe trộm cắp được ở trong thành phố, không có giấy tờ” H kiểm tra xe đồng ý mua với giá 7.000.000đ Đ cầm tiền nói với H “nếu lấy trộm được xe thì đem về cho anh nhé” H nói “ừ”. Sau khi mua xe trên đường đi H tháo BKS vứt dọc đường rồi đem xe về nhà anh Trần Văn H2 SN 1986 ở thôn N, xã N, Huyện H, tỉnh Thanh Hóa nói với anh H2: xe của nhà, em cần tiền cho gửi xe vay 10.000.000đ, do chỗ bạn bè quen biết nên H2 đồng ý đưa cho H vay 10.000.000đ để xe lại làm tin, số tiền này H ăn tiêu cá nhân hết (BL140, 142).

Anh Lê Văn T2 báo cáo chiếc xe máy Airblade màu ghi đen- đồng BKS 36B2- 829 88 trị giá khoảng 25.000.000đ(BL88- 94).

Ngày 19/10/2018 Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe máy trên có giá trị 20.000.000đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã trả cho bị hại, anh T2 nhận tài sản không có yêu cầu gì.

Vụ thứ 2: Sau khi thống nhất với H, khoảng 9h ngày 06/9/2018 Nguyễn Trọng Đ đem theo vạm phá khóa đi đến khu nhà để xe của cán bộ Bệnh viện N thấy không khóa cửa, Đ đi vào bên trong phát hiện thấy chiếc xe Exciter màu xanh trắng BKS 36B3- 598 84 của anh Trịnh Đình M sinh năm 1987 ở thôn Y, xã Y, Huyện Y, tỉnh Thanh Hóa không có người trông coi, Đ đi lại dùng vạm mở ổ khóa dắt ra đường đi thẳng về H, trên đường đi Đ gọi điện thông báo cho H, H bảo cứ đem về quán cà phê chỗ cũ đi (quán P), sau xem xe H thống nhất với Đ giá 7.000.000đ, Đ đồng ý nhưng H chưa đưa tiền cho Đ. Sau đó H tháo yếm xe để ở nhà và tháo BKS vút dọc đường rồi đi xe đến nhà anh Phạm Ngọc T3 SN 1982 ở thôn Đ, xã H, Huyện H, Thanh Hóa nói với anh T3 xe của nhà cần tiền có việc cho gửi xe vay tạm 6.000.000đ. Mấy ngày sau không thấy H đưa tiền, Đ gọi điện hỏi, H nhắn tin nói “anh mang đi rồi, cứ làm xe tay ga đi”. Số tiền này H ăn tiêu hết.

Anh Trịnh Đình M báo cáo tài sản của anh là chiếc xe máy Exciter, màu đen trắng xanh, BKS 36B3- 58984 anh mua năm 2014 với giá 45.000.000đ.

Ngày 15/9/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe máy trên có giá trị 23.000.000đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã trả cho bị hại, anh M nhận tài sản đầy đủ không có yêu cầu gì.

Vụ thứ 3: Sau khi nhận được tin nhắn, khoảng 19h45’ ngày 13/9/2018, Nguyễn Trọng Đ tiếp tục mang theo vạm phá khóa xuống Bệnh viện N để trộm cắp xe máy, khi đi đến khu vực sân nhà C của Bệnh viện Đ phát hiện thấy chiếc xe Ablede màu ghi đen - đồng BKS 36B2- 329 95 không có người trông coi, Đ đi lại gần dùng vạm phá khóa mang theo mở ổ khóa nổ máy lên xe thì bị quần chúng nhân dân phát hiện hô la, Đ tiếp tục phóng xe bỏ chạy về hướng thành phố đến trước cửa hàng bán xe máy V thì bị quần chúng nhân dân và bảo vệ Bệnh viện bắt quả tang thu giữ tang vật (BL 01- 02).

Anh Lê Trọng N2 SN 1984 ở xã Đ, Huyện Đ báo cáo chiếc xe máy Airblede & màu ghi đen – đồng BKS 36B2 – 329 95 trị giá khoảng 20.000.000đ(BL 75- 80).

Ngày 17/9/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe máy trên có giá trị 17.000.000đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã trả cho bị hại, anh N2 nhận tài sản không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số 31/ CT –VKSTPTH ngày 03/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Nguyễn Trọng Đ về tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS . Nguyễn Văn H về tội “ Trộm cắp tài

sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS.

Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 173 ; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52 Điều 38 ; Điều 58 BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017

Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng Đ từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173 , khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52; Điều 38, Điều 58; Điều 55 BLHS năm 2015 đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Tội “ Trộm cắp tài sản” từ 15 tháng đến 18 tháng tù;

Tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Tổng hợp hai tội mức án từ 27 tháng đến 33 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự : Công nhận các bị hại đã nhận lại tài sản.

Truy thu của bị cáo Đ số tiền 7.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: Một mũi văm phá khóa , một tay công chữ T.

Tịch thu của bị cáo H 01 điện thoại di động NOKIA màu xám viền đen và tịch thu của bị cáo Đ một điện thoại di động Iphone vàng trắng để sung quỹ nhà nước

Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân : Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội cụ thể: Từ ngày 05/7 đến ngày 13/9/2018, Nguyễn Trọng Đ đã liên tục thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản tại Bệnh viện N thuộc phường Đ, thành phố T, với tổng giá trị tài sản là 60.000.000 đồng của các anh Lê Văn T2, Trịnh Đình M và Lê Trọng N2, sau đó đem bán cho Nguyễn Văn H 01 xe Airblade BKS 36B2- 82988 lấy 7.000.000đ ăn tiêu hết. Trong đó H tham gia cùng Đ trộm cắp 02 xe máy Exciter, màu đen trắng xanh, BKS 36B3- 58984 trị giá 23.000.000đ và đem cầm cố cho anh Phạm Ngọc T3 lấy 6.000.000đ ăn tiêu cá nhân hết. Và 01 chiếc xe máy Airblade & màu ghi đen – đồng BKS 36B2 – 329 95 trị giá 17.000.000đ. Ngoài ra H còn tiêu thụ 01 xe máy Airblade màu ghi đen- đồng BKS 36B2- 829 88 trị giá 20.000.000đ.

[3]. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan, tang vật và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Trọng Đ có đủ dấu hiệu cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản ”, tội danh và khung hình phạt được qui định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của BLHS năm 2015 sửa đổi 2017. Hành vi của Nguyễn Văn H có đủ dấu hiệu cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản ”, tội danh và khung hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 173 và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của BLHS năm 2015 sửa đổi năm 2017. Vì vậy VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố các bị cáo, cơ quan điều tra khởi tố các bị cáo về hành vi phạm tội và tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; Ngoài ra hành vi của Nguyễn Văn H còn khấn khích tiếp tay cho người khác phạm tội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, vì vậy cần phải xử lý nghiêm mới có tính giáo dục và phòng ngừa.

[4]. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc kỹ lưỡng tuy nhiên cũng cần áp dụng Điều 58 BLHS để đánh giá hành vi phạm tội và xem xét mức hình phạt đối với từng bị cáo.

[4.1] Bị cáo Đ là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, chuẩn bị vạm phá khóa, cũng là người được sử dụng số tiền cầm cố xe trộm cắp nhiều. Ngoài ra Đ còn một mình thực hiện thêm 02 lần trộm cắp tài sản. Trị giá tài sản mà Đ chiếm đoạt là 60.000.000 đồng, vì vậy bị cáo giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn H. Còn bị cáo H có vai trò giúp sức, việc giúp sức của H thể hiện bằng lời nói, H biết rõ Đ là đối tượng chên trộm cắp nhưng đã nhận lời mua tài sản

trộm cắp và tác động xúi dục để bị cáo Đ có động lực thực hiện hành vi trộm cắp. Tuy nhiên hành vi của H là hạn chế nên mức hình phạt của H cũng thấp hơn Đ là phù hợp.

[4.2]. Các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội 2 lần trở lên nên đây là T2 tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

T2 tiết giảm nhẹ chung cho các bị cáo quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[4.3]. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian là cần thiết, như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[4.4]. Đối với bị cáo H khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt của hai tội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận đủ tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên công nhận các bị hại đã nhận đủ tài sản.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng H vay của anh Trần Văn H2 và số tiền 6.000.000 đồng của anh Phạm Văn T3. Hiện nay anh T3 và anh H2 không yêu cầu bị cáo H hoàn trả. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét mà giành quyền dân sự cho anh Trần Văn H2 và Phạm văn T3 bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu .

Đối với số tiền 7.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Trọng Đ bán xe trộm cắp cho bị cáo H. Do bị cáo H đã có hành vi tiêu thụ tài sản phạm pháp, đây là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có. Vì vậy cần truy thu ở bị cáo Đ số tiền này để tịch thu sung quỹ nhà nước.

[6]. Đối với vật chứng: Một mũ vam phá khóa , một tay công chữ T, Một điện thoại di động NOKIA màu xám viền đen , một điện thoại di động Iphone vàng trắng bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên cần áp dụng khoản 1,2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu tiêu hủy một mũ vam phá khóa , một tay công chữ T. Tịch thu sung quỹ nhà nước một điện thoại di động NOKIA màu xám viền đen của bị cáo H, một điện thoại di động Iphone vàng trắng của bị cáo Đ. Hiện vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

[7]. Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 (Đối với Nguyễn Trọng Đ). Khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS 2015(đối với Nguyễn Văn H), Điều 38; Điều 58BLHS 2015 sửa đổi năm 2017 ; Điều 589; 357 BLDS; Khoản 1,2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trọng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Xử phạt: 1. Bị cáo Nguyễn Trọng Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 14/9/2018 .

2. Bị cáo Nguyễn Văn H 16 (Mười sáu) tháng tù, về tội “ Trộm cắp tài sản” và 12 (Mười hai) tháng tù về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” . Tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 22/10/2018 .

Về trách nhiệm dân sự: - Công nhận các bị hại đã nhận đủ tài sản.

Truy thu ở bị cáo Đ 7.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước.

Giành quyền dân sự cho anh Trần Văn H2 và Phạm văn T3 bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu đối với số tiền cho bị cáo H vay

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Một mũi văm phá khóa , một tay công chữ T.

Tịch thu của bị cáo H 01 điện thoại di động NOKIA màu xám viền đen và tịch thu của bị cáo Đ một điện thoại di động Iphone vàng trắng để sung quỹ nhà nước. Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 68/THA ngày 07/01/2019 giữa Công an thành phố Thanh Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các bị cáo, người bị hại có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa T3 thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt